

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGÔ QUYỀN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/KDTM-ST

Ngày 29-11-2018

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Bấm

Ông Nguyễn Hồng Đại

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Thủy - Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Trọng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2018/TLST-KDTM ngày 28 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 722/2018/QĐXXST-KDTM ngày 26 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 753/2018/QĐXXST-KDTM ngày 12 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP P Đ (Viết tắt là Ngân hàng P); Địa chỉ trụ sở: Số 45 đường L, phường B, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Ông Nhân T X; nơi cư trú: Số 156 đường Phạm Hữu Điều, phường Niệm Nghĩa, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng;

- Bà Phạm T T L; nơi cư trú: Số 16A/119 đường Tr, phường Đ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Đều là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 68/2018/UQ-OCB ngày 24/10/2018); Ông X có mặt, bà L vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng V; địa chỉ trụ sở: Số 77 Đ5 phường Đ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Bùi K T; nơi cư trú: Số 77 Đ5 phường Đ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; là người đại diện theo pháp luật của bị đơn (Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng V); vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Nguyễn V T và bà Đồng T H; nơi cư trú: Tổ 49 khu 7 (mới: Số 121 đường T) phường Q, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng; ông T có mặt, bà H vắng mặt.

+ Ông Nguyễn V M và bà Nguyễn Vũ L H; nơi cư trú: Số 30B lô 7 phường An Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; ông M có mặt, bà H vắng mặt

Những cổ đông sáng lập khác của công ty cổ phần Thương mại và Xây dựng V:

+ Ông Nguyễn V H; nơi cư trú: Khu 5 L, phường Đ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Bà Cao Th H; ĐKKHTT: Đ, phường B L, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; Tạm trú: Số 7/67 đường H, phường C, quận Hải An, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn V T; nơi cư trú: Tổ 49 khu 7 (mới: Số 121 đường T) phường Q, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng; là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đồng T H (Văn bản ủy quyền ngày 19/10/2018); có mặt.

Ông Nguyễn V M; nơi cư trú: Số 30B lô 7 phường An Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Vũ L H (Văn bản ủy quyền ngày 16/10/2018); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng tín dụng ngày 31/10/2017, trong bản tự khai, quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 10 tháng 02 năm 2015 Ngân hàng P - Chi nhánh Hải Phòng có ký hợp đồng tín dụng số 020/2015/HĐTD-DN với Công ty cổ phần Thương mại và Xây dựng V dưới hình thức cấp tín dụng cho Công ty V với số tiền vay là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng); mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động thực hiện

hợp đồng kinh tế số 01/2015/HĐKT ngày 05/01/2015, thời hạn vay 03 tháng; lãi suất vay: Quy định chi tiết tại khế ước vay nợ, lãi suất cố định 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

Ngân hàng P đã giải ngân đủ số tiền trên cho Công ty V theo khế ước nhận nợ số 020.01 ngày 11/02/2015 số tiền 500.000.000 đồng và khế ước nhận nợ số 020.02 ngày 12/02/2015 số tiền 1.500.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty cổ phần Thương mại và Xây dựng V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc và nợ lãi theo quy định tại Hợp đồng tín dụng từ ngày 11/5/2015. Tính đến phiên tòa hôm nay, ngày 29/11/2018 Công ty V còn nợ Ngân hàng P số tiền còn lại của hợp đồng là:

Nợ gốc là 1.930.834.532 đồng

Nợ lãi trong hạn: 1.198.339 đồng

Nợ lãi quá hạn: 970.244.554 đồng

Tổng cộng: 2.902.277.425 đồng.

Ngân hàng P đã nhiều lần đôn đốc, làm việc với Công ty V về việc thanh toán nợ đến hạn nhưng đến nay Công ty V vẫn không thanh toán được khoản vay nợ cho Ngân hàng. Từ tháng 8/2016 đến nay Công ty V không còn hoạt động tại trụ sở và người đại diện theo pháp luật của Công ty là bà Bùi K T cũng không còn cư trú tại số 77 Đ5 phường Đ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Khi thay đổi địa chỉ, Công ty V không thông báo về việc thay đổi địa chỉ cho Ngân hàng P, cũng không thông báo địa chỉ hoạt động mới cho ngân hàng, bà Bùi K T - Giám đốc Công ty cũng vắng mặt tại nơi cư trú không có lý do và không thông báo với ngân hàng. Đến nay, Ngân hàng P không biết Công ty V còn hoạt động hay không và nếu hoạt động thì trụ sở ở đâu. Vì vậy Ngân hàng P khởi kiện Công ty V, đề nghị Tòa án buộc Công ty V phải trả số tiền nợ gốc, nợ lãi còn lại của Hợp đồng tín dụng số 020/2015/HĐTD-DN ngày 10 tháng 02 năm 2015 đã ký kết giữa các bên. Về thứ tự thanh toán, Ngân hàng P sẽ ưu tiên thanh toán nợ gốc trước, tiếp đến thanh toán lãi trong hạn, sau đó thanh toán lãi quá hạn. Về yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với việc miễn giảm nợ lãi cho bị đơn còn tùy thuộc vào thời hạn, lộ trình thanh toán của bị đơn. Vấn đề này Ngân hàng P và Công ty V sẽ thống nhất trong giai đoạn thi hành án.

- Về yêu cầu phát mại tài sản: Trường hợp Công ty V không trả được nợ, nguyên đơn đề nghị Tòa án tuyên nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại và xử lý toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo các Hợp đồng bảo đảm tiền vay đã ký với Ngân hàng gồm :

Quyền sử dụng 120 m² đất và tài sản trên đất tại địa chỉ: Phố Kha Lâm, phường Q, thị xã Kiến An, thành phố Hải Phòng (mới: số 121 đường T, tổ 49 khu

7 phường Q, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sử dụng đất số 2419 CNHS do Phòng xây dựng thị xã Kiến An (nay là quận Kiến An), thành phố Hải Phòng cấp ngày 22/11/1993 đứng tên ông Nguyễn V T. Tài sản đã được thế chấp cho Ngân hàng P tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 069.01/2013/BĐ ngày 27/9/2013; số công chứng: 3992/2013, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 27/9/2013 và Phụ lục sửa đổi, bổ sung Hợp đồng đảm bảo tiền vay số 069.01/2013/BĐ ngày 27/9/2013; số công chứng: 1126/2015, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 11/02/2015. Tài sản trên đã được đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Văn Phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Kiến An ngày 27/9/2013 theo quy định của pháp luật.

Quyền sử dụng 39,3m² đất ở và tài sản trên đất tại địa chỉ số 2 lô 1 X M (mới: Số 1 ngõ 2 (số 2B A36 tổ 1) đường P, phường Lam Sơn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 481043 (số vào sổ cấp GCN: H00060/LS) do Ủy ban nhân dân quận Lê Chân cấp ngày 22/10/2009 đứng tên ông Nguyễn V M và vợ bà Nguyễn Vũ L H. Tài sản đã được thế chấp cho Ngân hàng P tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 069.02/2013/BĐ ngày 27/9/2013; số công chứng: 3989/2013, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 27/9/2013 và cam kết thế chấp ngày 10/02/2015. Tài sản trên đã được đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Lê Chân ngày 27/9/2013 theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là Công ty V không còn hoạt động tại địa chỉ trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và người đại diện theo pháp luật của bị đơn là bà Bùi K T không còn cư trú tại địa chỉ số 77 Đ5 đường Đ, phường Đ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Tòa án đã xác minh tại chính quyền địa phương, đồng thời nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong đó có các cổ đông sáng lập của Công ty V đều không biết hiện Công ty còn hoạt động hay không và trụ sở ở đâu, không biết người đại diện theo pháp luật bà Bùi K T cư trú ở đâu. Tài liệu xác minh tại Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và đầu tư Hải Phòng, Công ty V chưa bị thu hồi giấy phép ĐKKD cũng chưa bị tuyên bố phá sản, giải thể. Vì vậy, trong quá trình giải quyết vụ án không có quan điểm của bị đơn.

Tại biên bản làm việc cuối cùng tại trụ sở của Công ty V ngày 24/8/2015, người đại diện theo pháp luật của bị đơn đã xác nhận số nợ gốc, nợ lãi còn lại của hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên là: 2.010.111.670 đồng (trong đó nợ gốc 1.980.834.532 đồng, nợ lãi 29.277.138 đồng).

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn V T và bà Đồng T H trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa:

Ông T và bà H biết việc Công ty V vay tiền của Ngân hàng OCB nhưng vụ thế việc vay nợ cũng như số tiền vay ông T và bà H không được biết. Ông bà xác nhận có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 069.01/2013/BĐ ngày 27/9/2013 và Phụ lục sửa đổi, bổ sung Hợp đồng đảm bảo tiền vay số 069.01/2013/BĐ ngày 27/9/2013, đều có công chứng theo quy định của pháp luật như đại diện nguyên đơn trình bày. Hợp đồng thế chấp thể hiện tài sản thế chấp là quyền sử dụng 12m² đất và tài sản trên đất là nhà 01 tầng diện tích 48m² để phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và sử dụng đất. Còn thực tế khi thế chấp tài sản trên đất phía trước là nhà 01 tầng, phía sau đã được xây lại là nhà 02 tầng, sau đó tôn cao nền. Do bị đơn xây và sửa nhà sau khi làm giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và sử dụng đất nên trong hợp đồng thế chấp ghi cho phù hợp với giấy chứng nhận. Ông T và bà H cam kết khi ký hợp đồng thế chấp là thế chấp cả quyền sử dụng đất và mọi tài sản trên đất như hiện trạng thể hiện trong biên bản xem xét và thẩm định tại chỗ của Tòa án. Trong quá trình vay nợ, ông T bà H đã biết việc Công ty V chưa trả được nợ Ngân hàng P. Ông không biết về việc thay đổi trụ sở của Công ty V cũng như không biết giám đốc công ty bà Bùi K T hiện ở đâu. Đến nay, Ngân hàng P khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với Công ty V, quan điểm của ông T, bà H: Việc Công ty V vay nợ thì phải thanh toán theo quy định của pháp luật. Ông bà đề nghị cho Công ty V được trả nợ dần và xem xét miễn giảm nợ lãi cho bị đơn. Trong trường hợp Công ty V không trả được nợ, do sức khỏe của bà H yếu, dễ bị ảnh hưởng tâm lý nên ông T đề nghị không phát mại tài sản thế chấp là nhà và đất của ông bà.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn V M và bà Nguyễn Vũ L H trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Ông M và bà H biết việc Công ty V vay tiền của Ngân hàng P để hoạt động kinh doanh do bà Bùi K T giám đốc Công ty là chị dâu của ông M (bà T kết hôn với anh trai ông M là ông Nguyễn V L). Ông bà xác nhận có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 069.02/2013/BĐ ngày 27/9/2013 và cam kết thế chấp ngày 10/02/2015 đối với quyền sử dụng 39,3m² đất. Khi thế chấp đã có nhà cấp 4 xây hết diện tích đất như trong biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án thể hiện nhưng do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có nội dung tài sản trên đất nên để phù hợp, Hợp đồng thế chấp với Ngân hàng P chỉ ghi thế chấp diện tích đất. Ông M và bà H xác nhận thế chấp cả quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại địa chỉ số 2 lô 1 X M (mới: Số 1 ngõ 2) đường P, phường L, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty V tại Ngân hàng P. Cụ thể về khoản nợ gốc ông bà được biết và xác nhận nhưng không được biết cụ thể về số nợ lãi của bị đơn. Về yêu cầu phát mại tài sản của nguyên đơn, ông M và bà H

không đồng ý phát mại tài sản ông bà đã thế chấp. Ông bà đề nghị Công ty V được trả dần hàng hàng nợ gốc và nợ lãi trong hạn, đề nghị Ngân hàng P miễn giảm nợ lãi quá và xin miễn toàn bộ nợ lãi từ tháng 12/2017 đến nay để sau này Công ty V có thể trả được hết nợ cho Ngân hàng.

Ông Nguyễn V M là người đại diện theo ủy quyền của vợ ông bà Nguyễn Vũ L H - đồng thời là một trong những cổ đông sáng lập của Công ty V trình bày: Thực tế bà H chỉ có tên trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty V cho đủ thủ tục về pháp lý của Công ty, thực tế bà H không tham gia và không được biết về mọi hoạt động của Công ty V. Khi Công ty V thay đổi địa chỉ hoạt động bà H và ông M không biết và không biết hiện tại Công ty V còn hoạt động hay không và không biết giám đốc công ty là bà Bùi K T hiện đang cư trú ở đâu. Công ty không hoạt động tại địa chỉ trụ sở và bà T vắng mặt tại nơi cư trú từ khoảng tháng 8/2016 đến nay.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn V H, bà Cao Th H vắng mặt tại phiên tòa, có quan điểm trình bày trong quá trình giải quyết vụ án: Do có quan hệ quen biết nên ông Hùng và bà Cao Th H có tên trong danh sách cổ đông sáng lập của Công ty V cho đảm bảo quy định của pháp luật. Thực tế ông Hùng và bà H không tham gia vào điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty V, cũng không biết cụ thể việc Công ty V vay tín dụng tại Ngân hàng P và sử dụng nguồn vốn trên như thế nào. Ông Hùng và bà H có biết hiện tại Công ty V không còn trụ sở tại địa chỉ số 77 Đ5 đường Đ, phường Đ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng và người đại diện theo pháp luật là bà Bùi K T - giám đốc Công ty không còn cư trú tại địa chỉ trên. Tuy nhiên, Công ty V còn hoạt động hay không, trụ sở hoạt động ở đâu và bà T hiện cư trú ở đâu ông Hùng và bà Cao Th H đều không biết. Hiện nay, Ngân hàng P khởi kiện Công ty V về tranh chấp hợp đồng tín dụng, ông Hùng và bà Cao Th H không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án về cơ bản đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người đại diện theo pháp luật của bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng về việc vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa lần thứ nhất.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự; qua quá trình hỏi công khai tại phiên tòa, xét thấy hợp đồng tín dụng ký kết giữa hai bên là hợp pháp. Nguyên đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ giải ngân đủ số tiền nợ gốc là 2.000.000.000 đồng. Bị đơn đã vi

phạm nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 90, 91, 94, 95, 98 của Luật các Tổ chức tín dụng; các điều 342; 351; 355; 471; 473; 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về khoản nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 29/11/2018 là 2.902.277.425 đồng; trong đó nợ gốc 1.930.834.532 đồng, nợ lãi trong hạn 1.198.339 đồng, nợ lãi quá hạn 970.244.554 đồng.

Công ty V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc kể từ sau ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ, theo mức lãi suất được hai bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp Công ty V không thanh toán được khoản nợ gốc, nợ lãi trên từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng P có quyền yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm (của người thứ ba) theo hợp đồng thế chấp và văn bản sửa đổi, bổ sung giữa các bên.

Về án phí, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là 90.045.549 đồng; nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

- Xét về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh là Ngân hàng P và Công ty Cổ phần thương mại và xây dựng V được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn Công ty V có trụ sở cuối cùng trên địa bàn quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Từ khi thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh tại địa phương nhưng không biết hiện Công ty V thay đổi địa chỉ trụ sở ở đâu và

người đại diện theo pháp luật của Công ty là bà Bùi Kim Thị cũng thay đổi nơi cư trú, hiện không biết ở đâu. Theo kết quả xác minh tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng, Công ty V chưa đăng ký thay đổi trụ sở Công ty và người đại diện theo pháp luật, Công ty V cũng chưa ngừng hoạt động hay giải thể, chưa bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Trụ sở cuối cùng của Công ty V và cũng là nơi cư trú cuối cùng của người đại diện theo pháp luật của Công ty tại số 77 Đ5 đường Đ, phường Đ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, Tòa án đã triệu tập những cổ đông sáng lập khác của Công ty V tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn V H, bà Cao Th H (bà Nguyễn Vũ L H đã được đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan từ khi thụ lý vụ án) và lấy lời khai của ông Hùng, bà Cao Th H. Các cổ đông sáng lập của Công ty V đều không biết được trụ sở hoạt động của Công ty cũng như nơi cư trú của giám đốc - bà Bùi K T. Do đó, Tòa án đã niêm yết toàn bộ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử tại nơi có trụ sở cuối cùng của công ty, trụ sở UBND phường Đ và trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền.

[3] Tại phiên tòa ngày 12/11/2018, người đại diện theo pháp luật của bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt lần thứ nhất không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa và tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa nói trên theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện bị đơn bà Bùi K T và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Cao Th H, ông Nguyễn V H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt đại diện bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Bà Đồng T H và bà Nguyễn Vũ L H vắng mặt tại phiên tòa những đã ủy quyền cho người được ủy quyền là ông Nguyễn V T và ông Nguyễn V M, ông T và ông M có mặt tại phiên tòa.

- Xét về áp dụng pháp luật nội dung:

[4] Việc ký kết Hợp đồng tín dụng số 020/2015/HĐTD-DN ngày 10/02/2015 và các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 069.01/2013/BĐ ngày 27/9/2013, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 069.02/2013/BĐ ngày 27/9/2013 và các phụ lục, văn bản cam kết được xác lập vào thời điểm năm 2013 và 2015 trước khi BLDS năm 2015 có hiệu lực; đến nay có tranh chấp nên áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[5] Hợp đồng tín dụng số 020/2015/HĐTD-DN ngày 10/02/2015 được ký kết giữa bên cho vay là Ngân hàng P và bên vay là Công ty V tuân thủ quy định tại Điều 121, 122 của Bộ luật Dân sự năm 2005 với các điều khoản của hợp đồng không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do vậy các hợp đồng trên là hợp pháp, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của hai bên. Theo đó, Ngân hàng P đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình, giải ngân cho Công ty V vay đủ số tiền 2.000.000.000 đồng. Công ty V đã nhận đủ tiền vay nhưng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của mình theo điều khoản trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết, vi phạm các kỳ hạn thanh toán trả nợ.

[6] Thời điểm vi phạm gần nhất của bị đơn là ngày 11/5/2015, như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định trong hợp đồng tín dụng. Vì vậy, Ngân hàng P khởi kiện buộc Công ty V phải trả nợ gốc, nợ lãi để thu hồi nợ là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật, cần chấp nhận. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay, ngày 29/11/2018, Công ty V còn nợ và có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi còn lại của Hợp đồng tín dụng số 020/2015/HĐTD-DN ngày 10/02/2015 là: 2.902.277.425 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 1.930.834.532 đồng, nợ lãi trong hạn 1.198.339 đồng, nợ lãi quá hạn: 970.244.554 đồng

- Về yêu cầu phát mại tài sản:

[7] Để bảo đảm cho các khoản vay nêu trên, Ngân hàng P và Công ty V và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan còn ký kết: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 069.01/2013/BĐ ngày 27/9/2013; số công chứng: 3992/2013, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 27/9/2013 và Phụ lục sửa đổi, bổ sung Hợp đồng đảm bảo tiền vay số 069.01/2013/BĐ ngày 27/9/2013; số công chứng: 1126/2015, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 11/02/2015 thế chấp quyền sử dụng 120 m² đất và tài sản trên đất tại địa chỉ: Phố Kha Lâm, phường Q, thị xã Kiến An, thành phố Hải Phòng (Nay là số 121 đường T, phường Q, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng) theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và sử dụng đất số 2419 CNHS do Phòng xây dựng thị xã Kiến An (nay là quận Kiến An), thành phố Hải Phòng cấp ngày 22/11/1993 mang tên ông Nguyễn V T. Tài sản trên đã được đăng ký thế chấp theo quy định của pháp luật.

[8] Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 069.02/2013/BĐ ngày 27/9/2013; số công chứng: 3989/2013, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 27/9/2013 thế chấp quyền sử dụng 39,3m² đất ở và tài sản trên đất tại địa chỉ số 2 lô 1 X M, đường P, phường Lam Sơn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 481043 (số vào sổ cấp GCN: H00060/LS) do Ủy ban nhân dân quận Lê Chân cấp ngày 22/10/2009 đứng tên ông Nguyễn V M và vợ bà Nguyễn Vũ L H. Tài sản trên đã được đăng ký thế chấp theo quy định của pháp luật.

[9] Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quan điểm không đồng ý phát mại các tài sản thế chấp trong trường hợp Công ty V không trả được các khoản nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng P. Tuy nhiên, ông Nguyễn V T và bà Đồng T H, ông Nguyễn V M và bà Nguyễn Vũ L H xác nhận đã ký kết các hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo cho khoản vay của Công ty V theo Hợp đồng tín dụng số 020/2015/HĐTD-DN ngày 10/02/2015 tại Ngân hàng P. Việc ký kết các hợp đồng là tự nguyện, các Hợp đồng thế chấp nói trên đều được chứng nhận tại Phòng Công chứng phù hợp với quy định của pháp luật cả về hình thức và nội dung. Vì vậy, trường hợp bị đơn không trả được các khoản nợ nói trên từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật thì những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn V T và bà Đồng T H, ông Nguyễn V M và bà Nguyễn Vũ L H còn phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ của người thế chấp đối với Ngân hàng P theo thỏa thuận của hợp đồng thế chấp và phụ lục nêu trên theo quy định tại các Điều 342; 351; 355; 471; 473; 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Về án phí:

[10] Căn cứ khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 41.851.000 đồng.

[11] Bị đơn Công ty V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là:

$72.000.000 \text{ đồng} + 2\% \times (2.902.277.425 \text{ đồng} - 2.000.000.000 \text{ đồng}) = 90.045.549 \text{ đồng}.$

[12] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 90, 91, 94, 95, 98 của Luật các tổ chức Tín dụng;

Căn cứ vào các điều 121, 122, 342; 351; 355; 471; 473; 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P Đ đối với Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng V.

1. Bị đơn Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng V phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP P Đ số tiền nợ còn lại của Hợp đồng tín dụng số 020/2015/HĐTD-DN ngày 10/02/2015 tổng số tiền là: 2.902.277.425 đồng; trong đó: nợ gốc 1.930.834.532 đồng, nợ lãi trong hạn 1.198.339 đồng, nợ lãi quá hạn 970.244.554 đồng

Về thứ tự thanh toán: Ưu tiên thanh toán nợ gốc, tiếp theo đến nợ lãi trong hạn và sau cùng đến nợ lãi quá hạn.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn Công ty V phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về quyền phát mại tài sản:

Trong trường hợp Công ty V không trả được số tiền nợ gốc, nợ lãi nêu trên, Ngân hàng P có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm là:

- Quyền sử dụng 120 m² đất và tài sản trên đất tại địa chỉ: Phố Kha Lâm, phường Q, thị xã Kiến An, thành phố Hải Phòng (Nay là số 121 đường T, tổ 49 khu 7 phường Q, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng) theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và sử dụng đất số 2419 CNHS do Phòng xây dựng thị xã Kiến An (nay là quận Kiến An), thành phố Hải Phòng cấp ngày 22/11/1993 đứng tên ông Nguyễn V T theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 069.01/2013/BĐ ngày 27/9/2013; số công chứng: 3992/2013, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 27/9/2013 và Phụ lục sửa đổi, bổ sung Hợp đồng đảm bảo tiền vay số 069.01/2013/BĐ ngày 27/9/2013; số công chứng: 1126/2015, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 11/02/2015.

- Quyền sử dụng 39,3m² đất ở và tài sản trên đất tại địa chỉ số 2 lô 1 X M, (mới: số 1 ngõ 2 (số 2B A36 tổ 1) đường P, phường Lam Sơn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 481043 (sổ vào sổ cấp GCN: H00060/LS) do Ủy ban nhân dân quận Lê Chân cấp ngày 22/10/2009 đứng tên ông Nguyễn V M và vợ bà Nguyễn Vũ L H theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 069.02/2013/BĐ ngày 27/9/2013; số công chứng:

3989/2013, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 27/9/20133 và cam kết thể chấp ngày 10/02/2015.

3. Về án phí:

Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng V phải chịu 90.045.549 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng P không phải án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 41.851.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 14632 ngày 28 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải phòng.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP P Đ, bị đơn Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng V được quyền kháng cáo bản án; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn V T, bà Đồng T H, ông Nguyễn V M, bà Nguyễn Vũ L H, ông Nguyễn V H, bà Cao Th H được quyền kháng cáo phần liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Thu